

Phẩm thứ ba mươi lăm: NHƯ LAI TÙY HẢO
QUANG MINH CÔNG ĐỨC

A- Ý ĐƯA RA: Phẩm trước là trình bày về Tướng, phẩm này là phân rõ về vẻ đẹp (Hảo), Tướng-Hảo tuy khác mà đều dùng để trang nghiêm cho thân. Bởi vì giải đáp câu hỏi về Thân và Nhân..., bao gồm Tự tại trước đây, vẻ đẹp dựa vào tướng mà có, đức yếu kém so với tướng, cho nên tiếp theo trình bày về vẻ đẹp. Dụng của đức yếu kém, dùng để thành tựu lợi ích nhanh chóng, vượt qua hiển bày về đức của tướng lớn đã khó suy nghĩ rồi.

B- GIẢI THÍCH TÊN GỌI: Như Lai là nêu lên con người để biểu thị về đức. Tùy Hảo (vẻ đẹp kèm theo tướng)... là hiển bày về đức dựa vào con người, Tùy Hảo là Thể tùy theo tướng lớn, bởi vì tăng thêm vẻ đẹp. Quang Minh là Dụng. Công Đức là Đức. Nghĩa là từ vẻ đẹp phát ra ánh sáng, ánh sáng có thể làm lợi ích cho chúng sinh, hiển bày về đức của vẻ đẹp, cho nên dùng làm tên gọi. Những vẻ đẹp của Như Lai, cũng là Như Lai có những vẻ đẹp, bao gồm hai cách giải thích.

C- TÔNG THỨ: Trình bày về đức thù thắng của vẻ đẹp làm Tông, khiến cho chúng sinh cung kính tu tập làm Thứ.

D- CHÍNH THỨC GIẢI THÍCH VĂN: có hai: Trước là tóm lược, sau là mở rộng.

Trong phần trước là tóm lược, có hai: Một- Nêu lên vẻ đẹp của quả; Hai- Từ “Phật tử, Ngã vị...” trở xuống là nêu ra nhân để so sánh hiển bày.

Phần một: Nêu lên vẻ đẹp của quả. Đức Phật tự mình thuyết giảng, có hai ý: 1- Cuối cùng của nhân trải qua A-tăng-kỳ, phẩm này là quả cao nhất, hai pháp đều là Đức Phật thuyết giảng; 2- Dụng của vẻ đẹp yếu kém so với tướng, mà Dụng khó nghĩ bàn, e rằng chúng sinh không tin tưởng, cho nên Đức Phật tự mình thuyết giảng.

Nói cho Bảo Thủ biết, cũng có hai nghĩa: 1- Nói Thủ là vẻ đẹp tùy theo, bởi vì vị ấy là Chủ của môn này; 2- Khiến cho ngay nơi Bảo trở lại lại phát khởi niềm tin đối với Thủ.

Có vẻ đẹp tùy theo, là tổng quát về tướng nêu ra, ngay nơi vẻ đẹp dưới bàn chân cùng với tên gọi sau này giống nhau, Đức Dụng đầy đủ tất cả cho nên nói là viên mãn, thâm nhiếp làm lợi ích tự tại thù thắng nhất gọi là Vương, ánh sáng tên gọi rực rỡ (Xí thanh) là đầy đủ đức như mặt trời, vì vậy lại có thể thâm nhiếp các quyền thuộc. Trăm vạn... là hiển bày về nhiều. Lại nói là bảy, bởi vì thanh tịnh bảy Chi, tu tập bảy

Giác, soi chiếu bầy Địa.

Phần hai: Là nêu ra nhân để so sánh hiển bày, bởi vì hiển bày về thù thắng, phần này có nhiều lớp:

1- Bởi vì đức của tướng sâu rộng, ngôn từ không thể nào nói đầy đủ, cho nên gác lại mà thuyết giảng về vẻ đẹp.

2- Đức của vẻ đẹp lại nhiều, bởi vì ba mươi hai tướng đã có tám mươi vẻ đẹp tùy theo, tướng hảo của mười Liên Hoa Tạng lại càng nhiều hơn, cho nên tạm thời nêu ra một vẻ đẹp.

3- Trong một vẻ đẹp gác lại thù thắng chỉ thuyết giảng về yếu kém, cho nên trình bày về dưới bàn chân.

4- Một vẻ đẹp dưới bàn chân, lại có nhiều ánh sáng, mà chỉ nói đến một ánh sáng.

5- Một ánh sáng của quả vị cũng không thể nói hết, cho nên dựa vào nhân để hiển bày thành tựu lợi ích thuộc về ánh sáng của nhân, ba lớp lập tức tròn vẹn, hướng hồ một ánh sáng của quả? Như vậy lần lượt chuyển tiếp, hướng hồ đối với các tướng? Hướng hồ trở lại tổng quát nói về các đức của Như Lai? Quả vô lượng vô biên bắt dứt ngôn từ cũng là nghĩa này.

Trong văn có hai: 1- Phạm vi giới hạn soi chiếu của ánh sáng, tức là phát ra ánh sáng trong vẻ đẹp viên mãn trước đây, không riêng biệt nêu lên nơi chốn phát ra, mà không phải là vẻ đẹp của ánh sáng trước đây vốn đầy đủ nhiều ánh sáng. 2- Từ “Bỉ thế giới...” trở xuống là do ánh sáng mà thành tựu lợi ích.

Trong phần 2 có hai: a- Lợi ích về thanh tịnh thiện căn đời trước khiến cho lìa xa đau khổ; b- Từ “Tùng bỉ mạng...” trở xuống là lợi ích về chuyển báo sinh lên cõi trời, được nghe giáo pháp.

Trong phần b có ba mục: Một- Nêu ra nhân của đời trước, nghĩa là xưa gần gũi Thiện hữu nhất định phải nghe pháp rộng khắp, thành tựu chủng tử Kim Cang, tâm không buông lung là hiển bày đã từng tu tập thực hành, gieo trồng các thiện căn bao gồm thấy nghe... Hai- Từ “Tỳ-lô...” trở xuống là hiển bày về duyên hiện tại. Ba- Từ “Ưu bỉ...” trở xuống là kết luận về nhân thuộc quả.

Văn thuận theo tóm lược, cho nên kết luận là sinh lên cõi trời. Lý thật thì chấm dứt đau khổ và thanh tịnh ánh mắt..., đều nhờ vào nhân duyên này. Vậy thì biết ánh sáng của Đức Phật soi chiếu bình đẳng, không gieo trồng nhân thiện thì không có lợi ích thù thắng này. Vì sao một ánh sáng lập tức thành tựu lợi ích này? Bởi vì đã hiển bày vô tận công đức, đã phát sinh rộng khắp pháp giới, không giống như tám mươi

vẻ đẹp tùy theo của Quyền giáo, chỉ trang nghiêm cho hình tướng làm phát sinh niềm tin mà thôi. Trong này lược bớt không có nhân rơi vào địa ngục, nghĩa là tuy tu tập nương theo Giới mà Hạnh rộng rãi.

Phần sau từ “Phật tử, Bồ-tát túc...” trở xuống là mở rộng phân rõ, chỉ mở rộng đối với nhân mà quả thì khó nói hết. Trong văn cũng có hai: Một-Mở rộng về lợi ích làm thanh tịnh thiện căn đời trước; hai-Từ “Ký sinh Thiên...” trở xuống là mở rộng về lợi ích nghe pháp.

Phần một: Mở rộng về lợi ích làm thanh tịnh thiện căn đời trước. Phá tan đau khổ của nẻo ác bên dưới, phát ra ánh sáng từ tướng bánh xe dưới bàn chân. Bốn mươi ánh sáng, biểu thị cho bốn mươi phần vị, bởi vì không có gì không soi chiếu, trong đó có một loại gác lại mở rộng để nói về tóm lược. Từ “Năng chiếu...” trở xuống là phạm vi giới hạn soi chiếu vượt qua trước đây. Từ “Tùy chư...” trở xuống là làm thanh tịnh phiền não mà thành tựu về đức. Ánh sáng trước đây nhận lấy tên gọi như thanh tịnh..., là dùng nặng so sánh với nhẹ để nêu ra A-tỳ địa ngục mà thôi.

Trong phần hai: Là mở rộng về lợi ích nghe pháp, văn dài phân làm sáu: 1- Tóm lược nêu lên khuyên nhủ dạy dỗ; 2- Từ “Nhĩ thời chư Thiên tử...” trở xuống là nghe rồi sinh lòng nghi ngờ; 3- Từ “Thị thời Thiên cổ...” trở xuống là tổng quát nêu ra nguyên nhân; 4- Từ “Chư Thiên tử như thuyết...” trở xuống là chính thức trình bày về khuyên nhủ chỉ dạy; 5- Từ “Thời chư Thiên tử văn thị âm...” trở xuống là y theo lời khuyên đi đến chỗ Phật; 6- Từ “Thuyết thị pháp thời...” trở xuống là lợi ích sâu xa của thấy nghe.

Ba phần trước (1-2-3) có thể biết.

Trong phần 4 Chính thức nêu rõ về sự khuyên dạy, có bốn mục:

Mục một- Lấy mình để dụ cho Phật không có Ngã, không có đến.

Mục hai- Từ “Chư Thiên tử, thí như nữ...” trở xuống là lấy người khác để dụ cho mình, hiển bày đến tức là không có đến, văn có ba Dụ, đều hiển bày có thể biết. Nhưng ác nghiệp-thiện căn là nhân duyên của đến, nhân duyên là Vô tánh cho nên đến tức là không có đến, không phải trước có pháp ở trong mười phương để từ đó mà đến. Bởi vì nhân duyên tức là Trí tuệ, pháp của Trí tuệ vốn không phải là nhân duyên, vì sao suy nghĩ nói là có nhân duyên gì?

Mục ba- Từ “Chư Thiên tử, thí như ức Na-do-tha...” trở xuống là lấy mình để ví với cảnh giới khó nghĩ bàn của Phật. Trong Hợp nêu ra vẻ đẹp tùy theo của tay, là riêng biệt nêu ra để hiển bày về thù thắng.

Trước là cứu giúp nẻo ác bên dưới, cho nên nêu ra ánh sáng dưới bàn chân; nay dựa theo hiện bày thân thông cho nên nói về bàn tay.

Mục bốn- Từ “Chư Thiên tử, nhữ đương...” trở xuống là chính thức khuyên nhủ đi đến, can ngăn không nên chờ đợi.

Trong mục này cũng có hai: 1- Tổng quát khuyên nhủ nhắc nhở; 2- Từ “Trước ngũ dục...” trở xuống là mở rộng giải thích.

Trong mục 2 cũng có hai: a- Giải thích về can ngăn trước đây, có Pháp-Dụ-Hợp; b- Từ “Chư Thiên tử...” trở xuống là giải thích về khuyên nhủ.

Trong mục b có sáu tiết: Một- Giải thích thuận theo, bởi vì báo ân. Hai- Từ “Chư Thiên tử, kỳ hữu...” trở xuống là giải thích ngược lại. Ba- Từ “Chư Thiên tử, nhữ đẳng...” trở xuống là nêu ra tướng của ân đức ấy. Bốn- Từ “Nhữ đẳng kim giả...” trở xuống là khuyên nhủ đi đến để tăng thêm điều thiện. Năm- Từ “Chư Thiên tử, như Ngã Thiên cổ phi nam phi nữ...” trở xuống là nêu ra pháp khiến cho tu tập, nghĩa là nói về hai Không, Dụ về không phải nam-nữ để hiển bày về Nhân Không, Dụ về không sinh-diệt để hiển bày về Pháp Không. Sáu- Từ “Nhữ đẳng nhược năng...” trở xuống là khuyên nhủ tu tập thành tựu lợi ích. Nói không có dựa vào phù hợp, là đã hiểu biết rõ ràng về Vô sinh, thì chủ động-thụ động đều bất dứt, tự nhiên không dựa vào, cho nên nói là không có dựa vào; bởi vì Trí phù hợp này, nhất định phù hợp với vạn pháp, không thu nhận-không thâu nhiếp, tùy theo tâm tự nhiên an trú, cho nên gọi là Tam-muội.

Trong phần 5 là y theo lời khuyên đi đến chỗ Phật, phân năm mục: Một- Hiến cúng không gặp. Hai- Từ “Thời hữu...” trở xuống là nghe ở nơi đó. Ba- Từ “Thời chư Thiên...” trở xuống là quán sát thấy sinh ở cõi dưới. Bốn- Từ “Chư Thiên tử chúng...” trở xuống là phát tâm muốn hưởng đến. Năm- Từ “Thời Thiên cổ trung xuất thanh cáo...” trở xuống là chỉ dạy nghi thức thấy Phật.

Trong mục năm: Có hai: 1- Chỉ dạy nhận biết về thọ sinh, khiến cho rời bỏ nhận thức không hợp lý; 2- Chỉ dạy phát tâm sám hối lỗi lầm, khiến cho nhận thấy rõ ràng lỗi lầm.

Mục 1- Chỉ dạy nhận biết về nơi thọ sinh. Bởi vì trước đây không gặp, sau nhìn thấy sinh ở cõi dưới không lìa xa có-không có, tình còn phân biệt nơi này-nơi kia, cho nên nêu ra Thể-Dụng, hiển bày về Vô sinh mà hiện Sinh. Trong văn có Pháp-Dụ-Hợp.

Trong Pháp: Trước là nhắc nhở về nhận thức không hợp lý; sau từ “Đản dĩ...” trở xuống là nêu ra nhận thức đúng đắn về điều đó, là nhận

biết do Phật hóa hiện mà sinh chứ không phải mất rồi sinh.

Từ “Chư Thiên tử, như Ngã...” trở xuống là Dụ.

Từ “Bồ-tát...” trở xuống là Hợp, trong đó có hai: Trước là trình bày về Pháp thân Vô sinh, thị hiện khắp nơi mà không thể thấy được. Sau từ “Nhi năng...” trở xuống là Ứng thân không có nơi nào không sinh, tức là mọi nơi đều có, có cảm thì trong cõi này cũng thấy, đâu cần phải trở lại cõi Diêm-phù.

Từ “Ly phân biệt...” trở xuống là hiển bày về đức của ứng hiện thọ sinh, loại bỏ những nhận thức không hợp lý, dùng Trí không có phân biệt mà sinh, không phải là có chọn lựa về nơi thọ sinh, tuy ở trong Vương cung mà không có kiêu mạn, chư Thiên vây tròn xung quanh mà không có nhiệm trước.

Trong mục 2- Từ “Chư Thiên tử, như đấng ứng phát...” trở xuống là chỉ dạy phát tâm sám hối lỗi lầm, có ba: Một-Nêu lên chỉ dạy sám hối; hai-Đưa ra hỏi về phương pháp sám hối; ba-Như pháp đích thực chỉ dạy.

Muốn sám hối lỗi lầm, cần phải hiểu biết về mười tâm thuận-nghịch, nghĩa là trước phải hiểu biết về mười loại tâm thuận theo sinh tử, dùng làm pháp đã đối trị: 1-Vọng chấp về nhân-ngã, khởi lên Thân kiến. 2-Bên trong đầy đủ phiền não, bên ngoài gặp phải duyên xấu, tâm Ngã dấy lên càng nhiều. 3-Bên trong và bên ngoài đã đầy đủ, diệt mất việc làm của tâm thiện, không vui với việc thiện của người. 4-Buông thả mặc ý ba nghiệp, không có điều ác nào không làm. 5-Việc làm tuy không nhiều mà tâm ác có khắp mọi nơi. 6- Tâm ác nối tiếp nhau ngày đêm không gián đoạn. 7- Che giấu lỗi lầm không muốn người khác biết. 8- Bắt người làm tùy tùng thay mình đánh phá, không sợ đường ác. 9- Không hề có xấu hổ, không sợ gì phạm-Thánh. 10- Bài bác không có nhân quả, gây ra nghiệp nặng Vô gián.

Tiếp theo khởi lên mười loại tâm trái với sinh tử, phá bỏ ngược lại từ phía sau: 1- Sáng suốt tin sâu vào nhân quả; 2- Tự xấu hổ chê trách chính mình; 3- Sợ hãi đường ác; 4- Không che giấu lỗi lầm; 5- Đoạn trừ tâm ác nối tiếp nhau; 6- Phát tâm Bồ-đề; 7- Tu tập công đức bù cho lỗi lầm; 8- Tùy hỷ đối với điều thiện của người; 9- Nghĩ đến chư Phật mười phương; 10- Quán sát tánh của tội lỗi vốn trống rỗng.

Nay ba tiết này, văn đều đầy đủ mà bởi vì thứ tự không giống nhau, trước đây dùng thứ tự của tâm khởi lên, ở đây dùng thù thắng-yếu kém mà nói:

Trong tiết một- Nêu lên chỉ dạy sám hối, văn có bốn tiết, đối trị

sáu lỗi lầm ấy.

Tiết 1- Phát tâm Bồ-đề làm chỗ dựa cho sám hối, bởi vì là căn bản của Hạnh thâm nhiếp các đức, cho nên trình bày đầu tiên. Trái với tâm ác xưa kia có khắp mọi nơi, dành yên ổn cho mình, nguy khốn thì đẩy cho người; nay tâm Bi che khắp pháp giới, làm nhiều lợi ích cho hữu tình.

Tiết 2- Từ “Tịnh trị...” trở xuống là khiến cho ba nghiệp thanh tịnh, làm Thể chủ động sám hối. Đối trị làm thanh tịnh tâm ý là hành dừng lại của ý. Trú vào oai nghi của thiện, nghĩa bao gồm dừng lại và thực hiện (Chỉ-tác), nghĩa là nên phát lộ, không che giấu lỗi lầm, và đoạn trừ tâm ác nối tiếp nhau, vượt qua hai tâm thứ 6-thứ 7 trước đây.

Tiết 3- Từ “Sám trừ nhất thiết...” trở xuống là khiến cho sám hối diệt trừ bốn chướng, tức là sai trái đã diệt trừ, nghĩa là phiền não-nghiệp-khổ, hai chướng của Nghiệp-Báo dựa theo nhân-quả phân ra khác nhau. Đã sám hối về chướng của Báo thì sợ hãi đường ác, bởi vì trái với không sợ hãi, các Thiên tử mới từ nơi ấy đến, cho nên không mở rộng trình bày. Ở trong phiền não, nhanh nhạy và chậm chạp phân ra hai; bởi vì Tà kiến đoạn mất điều thiện thật là đáng sợ, cho nên riêng biệt trình bày về chướng của Kiến. Vả lại, Sở tri chướng cũng là chướng của Kiến. Còn lại như riêng biệt trình bày.

Tiết 4- Từ “Dĩ tận pháp giới...” trở xuống là tâm vận dụng rộng khắp mọi nơi, khiến cho không có nơi nào không tận cùng. Bởi vì xưa kia khởi lên lỗi lầm đã rộng khắp các cảnh giới, nay sám hối những điều sai trái xưa kia, cho nên ba nghiệp vận dụng rộng khắp giống như chúng sinh giới. Trước mỗi một Đức Phật và trước chúng sinh, đều phát lộ sám hối. Đã đều hướng về trời-người-phàm-Thánh mà sám hối, thì tự xấu hổ chê trách chính mình, trái với tâm không hề có xấu hổ. Bởi vì ý vận dụng rộng khắp, khiến cho thân-khẩu rộng khắp, đầu tức là cúi đầu lễ lạy bao gồm thân làm tổng quát, năm phần của thân thể rạp lạy sát đất.

Ở đây nói rộng khắp, là vì sao mà rộng khắp? Tiếp theo sau nói ba nghiệp thiện rộng khắp, đây chính là tu tập công đức bù cho lỗi lầm, trái với tâm buông thả tùy theo ba nghiệp.

Tiết hai- Từ “Thời chư Thiên tử...” trở xuống là đưa ra hỏi về phương pháp sám hối, trước đây nói hãy còn tóm lược, nghĩa còn lại chưa nói hết, cho nên tiếp theo đưa ra.

Tiết ba- Từ “Nhĩ thời Thiên cổ...” trở xuống là như pháp đích thực chỉ dạy, đích thực chỉ dạy quán sát về tánh của tội lỗi vốn trống rỗng,

bao gồm hiển bày về bên ngoài gặp phải duyên xấu, bài bác không có nhân quả, vọng chấp về nhân-ngã.

Trong văn phân hai: Trước là trình bày về nhân của âm thanh phát ra, sau từ “Chư Thiên tử...” trở xuống là chính thức thuyết giảng chỉ dạy.

Tiếp sau phân năm: Một- Riêng biệt quán sát về nghiệp Không; hai-Tổng quát quán sát về bốn chướng; Ba- Riêng biệt quán sát về Kiến hoặc; Bốn- Đối với nghiệp quán sát về Báo; Năm- Tổng quát kết luận về lợi ích của sám hối.

Một- Riêng biệt quán sát về nghiệp Không: Nghiệp là nhân của Báo, bởi vì đứng đầu ba chướng. Không phải là Thể có trước đây, mà từ mười phương xuất hiện. Chính thức hiển bày về nghĩa của Không, chỉ do điên đảo sinh ra. Giải thích nguyên cơ của Không, là bởi vì vô số nghiệp chướng, từ vọng tưởng sinh ra cho nên không có tự tánh. Khiến cho Tuệ về Không này tương ứng với tâm, thì quyết định không nghi ngờ gì. Có thể nhận biết như vậy thì gọi là Bồ-tát.

Hai- Từ “Chư Thiên tử, như ngã Thiên cổ...” trở xuống là tổng quát quán sát về bốn chướng, tức là Dụ về trống trời thuyết pháp mà Vô thuyết, để dụ cho Tục có-Chân không có.

Trước là trong Dụ: 1- Nêu ra pháp đã đối trị, đó là hai chướng của Nghiệp-Báo. 2- Nói về năm loại như Hành..., tức là pháp có thể đối trị, đó là thực hành điều thiện, dừng lại điều ác, hoan hỷ với người, sắp xếp cho người, an trú trong Định.

Sau từ “Chư Phật...” trở xuống là Hợp, trong đó: 1- Tùy theo Tục nói về có, nói về Ngã-Ngã sở tức là chướng của Kiến, nói về Tham-Sân-Si tức là chướng của Phiền não. 2- Từ “Nhi thật...” trở xuống là Thắng nghĩa thật sự không có. Hai văn nói về có-không có thì ba chướng phỏng theo tóm lược. Đã không có Ngã sở thì trở lại phá bỏ tâm Vọng chấp về nhân-ngã.

Ba- Từ “Thí như Ngã thanh...” trở xuống là riêng biệt phá bỏ Kiến hoặc, Kiến hoặc sâu xa nguy hiểm cho nên mở rộng phá bỏ về điều đó. Văn có ba Dụ:

1- Dụ về trống không có sinh diệt mà tùy theo nghe, dụ cho nghiệp tuy không có sinh mà tùy theo tu tập cảm đến Báo, nghĩa là trước đây quán sát về nghiệp Không là loại bỏ về chấp có, bởi vì nếu nói là Không thì chư Phật không hóa hiện. Nay hiển bày không phải đoạn mất không có, là trở lại phá bỏ tâm bài bác không có nhân quả.

2- Dụ về âm thanh không có đến-đi, dụ cho quay về Trung đạo,

nhất định là có thì chấp Thường, nhất định không có thì chấp Đoạn, bởi vì Thường-Đoạn cũng là hai, cho nên cùng phá bỏ hai Kiến, hiển bày về lìa xa Đoạn-Thường.

Trong văn: Trước là Dụ; sau từ “Chư Thiên tử, nhược hữu...” trở xuống là Hợp, bởi vì nếu có thể đến thì chính là Thường, đi mà không đến thì Đoạn, cho nên tuy Không mà không Đoạn, tuy có mà không Thường.

3- Dụ về tiếng trống tùy theo tâm, dụ cho Phật do tâm mà thấy, loại bỏ nhất định chấp rằng ở ngoài tâm, sám hối chính là khiến cho tâm mình thực sự nghĩ đến chư Phật mười phương, trở lại phá bỏ tâm bên ngoài gặp phải duyên xấu.

Bốn- Từ “Như Pha lê...” trở xuống là đối với nghiệp quán sát về Báo. Văn có hai Dụ: 1- Dụ về Thể của cảnh tượng trong gương trống rỗng, dụ cho tuy có mà không có, nghĩa là cảnh tượng trong gương dựa vào gương mà hiện rõ, cảnh tượng không có đến-đi, Báo từ nghiệp sinh ra sao có đến-đi?

2- Dụ về nhà ảo thuật làm cho mắt mê lầm, dụ cho Nghiệp dẫn đến Báo, tuy không có mà có, lại Nghiệp cũng như huyền, lại huyền không phải là có-không có, thì đã là Trung đạo.

Năm- Từ “Nhược như thị...” trở xuống là tổng quát kết luận về lợi ích của sám hối, có thể biết.

Trong phần 6 là lợi ích sâu xa của thấy nghe, có hai mục: Một- Trình bày về lợi ích của chúng khác, bởi vì lực của Tam-muội cho nên âm thanh nghe ở khắp nơi; Hai- Từ “Nhĩ thời...” trở xuống là chính thức phân rõ về lợi ích của căn cơ nơi ấy.

Trong mục hai có hai: 1- Lợi ích thuộc về một tầng; 2- Từ “Kỳ chư hương vân...” trở xuống là lợi ích lần lượt chuyển tiếp.

Trong mục 1, cũng có hai: a- Lợi ích đạt được pháp; b- Từ “Dĩ chúng sinh...” trở xuống là lợi ích được thấy Phật.

Trong mục a- Lợi ích đạt được pháp. Đều có chữ Cố, nghĩa là tựa như nhắc lại trước đây làm nhân, thì được thấy Phật là lợi ích, mà từ trước đến nay chưa có được ở Thập Địa... Vì sao mà nhắc lại? Chính là bởi vì bản kinh thời Tấn đều không có chữ Cố, cần phải nói là nghe thuyết giảng về hồi hương rộng lớn của Phổ Hiền, cho nên liền đạt được Thập Địa, đạt được các Lực trang nghiêm của Tam-muội. Câu trước là đạt được phần vị, câu sau là thành tựu về Hạnh, bởi vì đạt được từng phần của Thập Lực làm trang nghiêm.

Trong mục b, là trình bày về lợi ích được thấy Phật, có ba: Một-

Trình bày về nhân được thấy; Hai- Từ “Tức kiến...” trở xuống là chính thức trình bày về được thấy Phật; Ba- Từ “Nhĩ thời...” trở xuống là tâm cung kính phát khởi cúng dường.

Nói từ trước, là bởi vì trước đây mang hoa đến chỗ Phật, mà hãy còn chưa rải lên để cúng dường. Lỗ chân lông tự nhiên hiện ra hoa, bởi vì đã đạt được phần vị của Địa. Hoa ở đầu tiên, cho nên tóm lược nêu ra điều đó. Trước là trong hoa đã mang đến vốn có hương và tán che..., sau thấy hương-thấy tán che, tất cả đều thành tựu lợi ích.

Trong mục 2, là lợi ích lần lượt chuyển tiếp, có hai: a- Lợi ích về nghe được mùi hương; b- Lợi ích về thấy được tán che. Đều dựa vào cúng dường trước đây mà thành tựu.

Mục a- Lợi ích về nghe được mùi hương, có Pháp-Dụ-Hợp.

Trong Pháp: Bởi vì thoát khỏi chướng ngại, cho nên đạt được niềm vui giải thoát, Dụ về bốn Thiền không có tám tai họa. Từ “Nhược hữu...” trở xuống là Hợp, bởi vì diệt trừ chướng ngại, cho nên đạt được thiện căn thanh tịnh. Chính là tướng của lợi ích.

Trong văn: Trước là hiển bày về pháp đã diệt trừ, tức là tám vạn bốn ngàn phiền não. Xưa có hai cách giải thích: Một- Nói rằng phiền não căn bản của chúng sinh có mười, nhưng sức mạnh của một phiền não (Hoặc) lại đều có mười, tức là trở thành một trăm. Xét ra phải phân làm chín phẩm, nay chỉ riêng phẩm Thượng là nặng mà tách ra làm ba phẩm, phẩm Trung-Hạ nhẹ cho nên đều làm một phẩm, hợp lại làm thành năm trăm. Lại khởi lên đối với cảnh trong-ngoài, nghĩa là năm Trần nơi Tự làm trong, lấy năm Trần nơi Tha làm ngoài, mỗi một Trần đều có năm trăm, tức là trở thành năm ngàn. Mê mờ riêng biệt về bốn Đế thì trở thành hai vạn, cộng với một ngàn căn bản thì có hai vạn một ngàn. Dựa vào Đẳng phần của ba Độc thì trở thành tám vạn bốn ngàn. Văn kinh tự nhiên đầy đủ.

Hai- Có người nói rằng: Lấy mười ác làm căn bản, lần lượt chuyển tiếp tác thành lẫn nhau, mỗi một loại đều có mười mà trở thành một trăm. Mê lầm về năm Trần nơi Tự-Tha làm thành một ngàn, chính là mê lầm về pháp môn của mười Đế, đó là bốn Đế-ba Đế, hai Đế-một Đế. Hoặc là mê lầm về mười Đế như Thuyết đế-Thành đế...; hoặc là mê lầm về mười Thiện, cho nên trở thành một vạn. Nhưng mê lầm về mười Đế thuộc về Không-Hữu không giống nhau, phân ra trở thành hai vạn. Hoặc là mê lầm về hai Đế của mười Thiện, cũng phân ra trở thành hai vạn, cộng với một ngàn căn bản.

Còn lại như kinh phân rõ. Nhưng hai cách giải thích đều có lý, loại

bỏ hay chọn lấy tùy theo tình thức. Lại có cách giải thích khác, như kinh Hiền Kiếp..., không phải là ý của kinh này.

Sau từ “Liễu tri...” trở xuống là pháp có thể diệt trừ, nghĩa là biết rõ phiền não vốn trống rỗng mà lại không sinh khởi. Bản kinh thời Tấn nói: “Các phiền não này thấy đều trừ diệt, trừ diệt cho nên thanh tịnh, phiền não không còn mà Trí hiển bày, tức là thành tựu thiện căn sáng ngời tự tại.” Nói làn hương-cột cao và áng mây, tức là thiện căn của Địa thứ chín, đến văn sau sẽ trình bày.

Mục b- Từ “Nhược hữu chúng sinh kiến kỳ cái...” trở xuống là trình bày về lợi ích thấy được tán che, trong đó có hai: Một- Chính thức trình bày về lợi ích đạt được; Hai- Từ “Phật tử, Bồ-tát trú thử...” trở xuống là trình bày về lợi ích chuyển tiếp thâm nhiếp giáo hóa.

Tiết một- Chính thức trình bày về lợi ích đạt được. Dựa theo bản kinh thời Tấn nói: “Thiện căn đã gieo trồng của một Hằng hà sa Chuyển Luân Thánh Vương, đó gọi là lưới giăng quý báu sáng ngời của những Luân vương.” Vậy thì nhiều vị Luân Vương, không phải là nhiều điều thiện của một Luân Vương. Bản tiếng Phạn cũng như vậy.

Nhưng nói lưới giăng bằng vàng thanh tịnh, dựa theo kinh Anh Lạc quyển Thượng, vòng báu bằng vàng (Kim luân) thuộc về Thập Hội Hương, từ Địa thứ nhất trở lên đều là vòng báu bằng lưu ly (Lũu ly luân), mà số lượng vật báu tăng lên làm sai khác, thì biết xưa dịch là lưới giăng quý báu, là lưới giăng bằng vàng thù thắng (Kim võng).

Bởi vì kinh ấy nói: “Hoan Hỷ Địa có tướng vòng tròn là bảy vật báu (Tướng luân), Anh lạc là trăm vật báu, một vạn người con của Tứ Thiên Vương làm quyến thuộc, trăm Pháp thân làm trăm vị Phật trong quốc độ, giáo hóa các thế giới hệ (Thiên hạ) khắp nơi mười phương.”

Về sau lược bớt không có phạm vi giới hạn của giáo hóa. Số lượng vật báu ở mỗi một Địa đều tăng lên, đến Địa thứ bảy có tướng vòng tròn là mười ba vật báu, Địa thứ tám chỉ nói tướng vòng tròn là vật báu Đại Ứng, Địa thứ chín nói tướng vòng tròn là vật báu Bạch Vân, Địa thứ mười nói tướng vòng tròn là ngọc báu Vô úy, Anh lạc sáng ngời bằng vật báu trăm vạn thần thông.

Nếu thuận theo bản kinh thời Tấn, nói Bạch Tịnh thì chính là Địa thứ chín, tức là làn hương-cột cao và áng mây tự tại sáng ngời trước đây. Nếu như vậy thì lợi ích đạt được ấy chỉ là những vật phụ thuộc, thì lưới giăng bằng vàng không có gì sai. Nếu chọn lấy Địa thứ mười làm lưới giăng bằng vàng thanh tịnh, thì chính là Địa thứ mười dùng ngọc Vô úy làm nghĩa của thanh tịnh; nhưng phạm vi giới hạn thâm nhiếp giáo hóa,

giống với quả Nhiếp Báo ở Địa thứ mười trước đây, thì rõ ràng đã chứng đến Địa thứ mười rồi. Vì vậy sau Luân Vương này phát ra ánh sáng, người gặp được cũng bước lên Địa thứ mười.

Nói một Hằng sa, nghĩa là từ Địa thứ chín trở về sau, cho đến Trú thứ mười là vòng tròn bằng đồng (Đồng luân). Bởi vì phạm vi giới hạn đã giáo hóa của Địa thứ mười này, so với trước đây đã như Hằng sa rồi, cho nên bản kinh thời Tấn nói là lưới giăng quý báu của những Luân Vương, chữ Những (Đẳng) là chọn lấy trước đây.

Trong tiết hai là trình bày về lợi ích chuyển tiếp thân nhiếp giáo hóa, có hai: 1- Trình bày về lợi ích đạt được phần vị; 2- Từ “Phật tử, như đấng Sơ thiên...” trở xuống là lợi ích về thành tựu đức.

Tiết 1- Trình bày về lợi ích đạt được phần vị, có Pháp-Dụ-Hợp.

Trong tiết a là Pháp: Trình bày thẳng vào phạm vi giới hạn của thân nhiếp giáo hóa, như trước đã giải thích.

Trong tiết b là Dụ: Trước là giáo hóa không có gián đoạn, dụ cho giáo hóa chúng sinh trong Pháp trước đây; sau là nếu có người nghe đến tên gọi thì chắc chắn sinh về quốc độ ấy, dụ cho gặp được ánh sáng này thì đạt được phần vị Thập Địa trong Hợp ở văn sau.

Trong tiết c là Hợp: Câu đầu là tổng quát hợp lại. Dựa theo bản kinh thời Tấn, từ “Diệc phục như thị...” trở xuống, thiếu câu ánh sáng tự tại phát ra từ hoa Mạn-đà-la; kinh này phỏng theo trong Hợp ở Dụ sau. Nếu nói thẳng là gặp được ánh sáng này, ở văn trước không có nơi chốn phát ra ánh sáng, thì gặp được là nơi nào?

Nói đạt được Địa thứ mười, bởi vì phẩm này tổng cộng có ba lớp, đều đạt được Địa thứ mười, cho nên gọi là lợi ích lần lượt chuyển tiếp: Một- Các Thiên tử nghe trống trời thuyết pháp, đạt được Địa thứ mười; Hai- Lỗ chân lông của Thiên tử này hiện ra mây-tán che và hoa, người thấy đạt được phần vị Luân Vương, tức là Địa thứ mười; Ba- Luân Vương phát ra ánh sáng, người gặp lại đạt được Địa thứ mười.

Ba phần vị này đều như nhau, cùng một lúc nhanh chóng thành tựu, đều có nhiều loại như số vi trần. Toàn bộ là lực của một ánh sáng trong một vẻ đẹp tùy theo, ánh sáng của những vẻ đẹp khác lại càng khó nói hết.

Nói dùng lực của thiện căn đã tu tập thực hành trước kia, là hiển bày về nhân của lợi ích nhanh chóng, bởi vì tu tập thiện căn rộng khắp là nhờ vào nghe pháp rộng khắp.

Trong tiết 2 là lợi ích về thành tựu đức: a- Dụ; b- Từ “Bồ-tát...” trở xuống là Hợp.

Trong tiết a là Dụ: Ý nói cõi Dục tu tập đạt được Định cõi Sắc, dùng Nhãn của cõi Dục nhìn thấy cảnh của cõi Sắc, dụ cho nhờ vào lực của pháp mà Bồ-tát lập tức chứng thấy cảnh của Địa thứ mười khi chưa chuyển thân phàm phu. Vậy thì ba A-tăng-kỳ có thể trong một niệm mà đến, là trình bày về một thân nhiếp tất cả. Một phần vị trải qua vô số kiếp không tận cùng, là trình bày về tất cả thân nhiếp một. Nhanh chậm tự tại như vậy, là Viên giáo này chứ không phải là Tông khác.

Trong tiết b là Hợp: Trước là chính thức trình bày về lợi ích đạt được; sau từ “Phật tử, giả sử...” trở xuống là hiển bày về phạm vi giới hạn của cảnh.

Trong tiết trước: Nói đạt được Địa thứ mười của Bồ-tát, giống như là nhắc lại trong Hợp trước đây, bởi vì đức dựa vào Địa mà thành, cho nên nhắc lại. Không như vậy thì trở thành hai lần phát ra ánh sáng đều đạt được Địa thứ mười.

Nói thành tựu Nhục nhãn thanh tịnh như vậy, nghĩa là các đức thuộc về mười Nhãn trước đây, đều dựa vào Nhục nhãn của thân phàm phu mà thành tựu, cho nên dựa vào đó để kết luận.

Trong tiết sau là hiển bày về phạm vi giới hạn của cảnh, tức là hiển bày về cảnh giới rộng lớn của Nhục nhãn, Nhục nhãn hãy còn như vậy, thì những Nhãn còn lại huyền diệu không thể nói hết.

Trong văn có ba: Một- Giả thiết ví dụ, để hiển bày về nhiều cảnh giới; Hai- Chính thức trình bày về pháp có thể nhìn thấy; Ba- Kết luận về đức có nơi quay về.

Một- Giả thiết ví dụ, để hiển bày về nhiều cảnh giới, phân ba: 1- Trình bày về một lớp rộng lớn. 2- Từ “Bảo Thủ, ư như ý...” trở xuống là hỏi-đáp để hiển bày về rộng lớn. 3- Từ “Bảo Thủ, thiết phục...” trở xuống là lại nhân lên số lượng trước đây, trở lại hiển bày về rộng lớn.

Hai- Từ “Như thị nhất thiết...” trở xuống là chính thức trình bày về pháp có thể nhìn thấy, có ba: 1- Thấy vô số thế giới rộng lớn trước đây, Nhục nhãn có thể nhìn thấy đã là siêu việt thù thắng, huống hồ trong một niệm hay sao? 2- Từ “Diệc kiến...” trở xuống là trình bày về nhìn thấy nhiều Đức Phật. 3- Từ “Như pha lê...” trở xuống là trình bày về tướng của nhìn thấy, vốn là không có tâm, không có đến-đi.

Ba- Từ “Bảo Thủ như thị...” trở xuống là kết luận về đức có nơi quay về, quay về pháp thiện của Luân Vương. Phần trình bày về nhân quả sai biệt, xong. Phần cuối của phẩm này, kinh đưa ra chưa hết.
